



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV. /
VEWL. /
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH TIEM
Last Middle First

Current Address: _____

Date of Birth: May 10th 1944 Place of Birth: Xuân Hòa, Huế, Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975) Đại úy Cảnh sát Chỉ huy trưởng cảnh sát
(Rank & Position) Quê Sơn, Thừa Thiên Huế

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 29th 1975 To July 15th 1981
Years: 6 Months: 1 Days: 15

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Đã Vỡ 03-11-89

Nguyễn
Huỳnh - Tiêm

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

HUYNH - TIEM

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN - THI - LIEN	March 19 th 1952	Wife
HUYNH - CONG - TUAN	July 05 th 1972	Son
HUYNH - CONG - DANG	September 08 th 1973	Son
HUYNH - THI - Y-NHI	March 12 th 1982	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- 1 bản sao giấy ra trại
- 01 Warrant of arrest
- 01 biên bản thu lệ phí + 01 bản nháp hồ sơ xin xuất cảnh
- 01 chít thư chào hỏi
- 01 chít ảnh nhân dân tên Trần Thị Liên
- 01 khai sinh Huỳnh Tiêm
- 03 khai sinh em' con tên Tuấn + Đăng + Nhi.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan)

Last (Ten Ho)

Middle (Giua)

First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH

(Nam) (Thoi gian sinh)

Month (Thang)

Day (Ngay)

Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu)

Male (Nam)

X

Female (Nu)

MARITAL STATUS

(Tinh trang gia dinh)

Single (Doc than)

Married (Co lap gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM

(Dia chi tai Viet-Nam)

27/7 Ly Thai To - To 37 - phuong Thac Gian -
Thanh pho Da Nang - Viet Nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu) 29-5-1985 to Den 15-6-1981

PLACE OF RE-EDUCATION:

CAMP (Trai tu)

Trai Song Cai - Tinh Thuan Hai - Viet Nam

PROFESSION (Ngha-nghiep):

Thi tren go

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac):

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):

Choi binh CSQC

Date (nam) 1973

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP):

Yes (Co):

X

IV Number (So ho so)

No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):

(Ten than nhan theo tung)

04 nguoi

Xin ghi ben sau voi day du ch

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

27/7 Ly Thai To - To 37 - phuong
Thac Gian - Thanh pho Da Nang - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc-tich Hoa-Ky): Yes (co):

No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

27/7 - Ly Thai To - To 37 - Thac Gian - Da Nang - Viet Nam

DATE:

November

03

Day (Ngay)

1989

Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH TIEM
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
☒ TRAN THI LIEN	March 19 th 1952	Wife
HUYNH CONG TUAN	July 02 th 1923	Son
HUYNH CONG DANG	September 05 th 1923	Son
HUYNH THI YENHI	March 12 th 1982	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- 1- Tôi bị mất tất cả những giấy tờ làm việc cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trong khi di tản từ Đà Nẵng vào Saigon năm 1975.
- 2- Tôi đã nộp hồ sơ qua ODP ở Thái Lan vào tháng 8/1988. chưa có (I V) và chưa có giấy hỏi báo về biên giới.
- 3- * 01 bản sao giấy ra trại
 * 01 " " " quân chế.
 * 01 biên nhận thu lệ phí + 01 biên nhận hồ sơ xin xuất cảnh
 * 01 ch' thư liên thư
 * 01 giấy ch' anh nhân dân tên Trần Thị Liên
 * 01 khai sinh Huỳnh - Tiem.
 * 03 giấy khai sinh em con tên Tuấn + Đăng + Nhi.

Bưu chính nước
 Cộng hòa X. H. C. N. Việt nam
 Administration des Postes
 de la R. S. du Vietnam

(1)



BAO NHAN AIR

BU 29

(29 và 29a và C.5)



SA VÀ TRƯỞNG SA TRONG CÁC BẢN ĐỒ CỎ

GIẤY BẢO

AVIS DE (2)

Nhận
 Reception
 Trả tiền
 Paiement

Địa chỉ:
 Algérie

Huyện Tầm

17/1 Lý Thái Tổ - Hà Nội
 Việt Nam

Ngày 10/10/60



HOÀNG SA VÀ TRƯỞNG SA TRONG CÁC BẢN ĐỒ CỎ



HOÀNG SA VÀ TRƯỞNG SA TRONG CÁC BẢN ĐỒ CỎ



HOÀNG SA VÀ TRƯỞNG SA TRONG CÁC BẢN ĐỒ CỎ



HOÀNG SA VÀ TRƯỞNG SA TRONG CÁC BẢN ĐỒ CỎ

máy bay

Remet par

Do bưu cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Đưa phẩm ghi số (1)
Envoyé recommandé

ký gửi tại Bưu cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

địa chỉ người nhận

adresse du destinataire

Bưu điện Hà Nội

2 tháng 8, 1988

19

số

sous le no

127

The Direction the ODP office
Soitien Siang South Sathorn
tai Road Bangkok 10120 Chaian.

Ghi ở bưu cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné declare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré
ngày

le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhận viên /
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire



15 DEC 1988
LƯU Ý: (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy
quyền ». Nếu phát chậm ghi lý do như: « người nhận báo lần thứ 3 mới đến »

CÔNG AN QUÂN
Phòng QL - QNC
Số 1021/ BH TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Hồ sơ xin xuất cảnh

- Góa ông, là : Nguyễn Tiên (1944.)
- Địa chỉ : 27/7 Tổ 3, Lỵ Thái Tô Thạc qu
- Xin đi nước : Ko Ky Đa N
- Hồ sơ gồm có : (Năm người)
- Khi nào giải quyết xong tôi gửi giấy mời, song ông, để yên tâm

Đã nêu, ngày 06 tháng 9 năm 1989

Người nhận

Khac

Trần Văn Chư

TỈNH QUẢNG NAM-ĐÀ NẴNG
CÔNG AN TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 256 /LPXC

BIÊN LAI THU TIỀN LỆ PHÍ

Ông, bà: Huỳnh Tiêm (1944)

Hiện ở: 27/7 tổ 57. ấp Thới Mỹ, xã Mỹ

Có nộp đủ số tiền 32.000 đồng (ba mươi hai ngàn)
4 ngàn

Về khoản: lưu giữ 01 ngàn h/s

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 9 năm 1989

TL. TRƯỞNG PHÒNG

Người nhận

Người giao

Tiêm

Trưởng phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **20030327**

Họ tên **TRẦN THỊ LIÊN**

Sinh ngày **19-3-1952**

Nguyên quán **Cao Đôi, Lộc Trĩ
Phủ Lộc, Bình Trĩ Thiên**

Nơi thường trú **Khu 24, Phan
rang, Ninh Hải, Thuận Hải**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Phật giáo

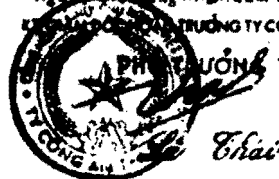
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo bầu dục 0,6cmx0,4cm C.1,5cm dưới trước đầu mắt phải

Ngày 10 tháng 5 năm 1979

TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÒNG T Y



Thái

NGÓN TRÁI

NGÓN TRÁI PHẢI

Thuận Hải, ngày 15 tháng 6 năm 1981

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI

Căn cứ quyết định số 204/QĐ ngày 19/7/1977 của hội đồng
chính phủ phê chuẩn về ban nhân dân Tỉnh Thuận Hải.

Căn cứ chỉ thị số 316/TT ngày 22/8/1977, thông tư số
220/TT ngày 14/4/1978 và thông tư số 342/TT ngày 24/6/1978
của thủ tướng chính phủ về việc xét tước và tía hạn tập trung
giáo dục cải tạo nhằm bình lính sỹ quan ngy qucn, nhân viên
nguy quyền, dân phối phân đon của chế độ cũ.

Căn cứ thông tư số 07-TT/LB ngày 29/12/1977 của liên bộ
quốc phòng, nội vụ hướng dẫn thi hành chính sách đối với sỹ
quan ngy qucn, nhân viên ngy quyền về dân; phối phân đon
hiện đon tập trung giáo dục cải tạo.

Theo đề nghị của Ông trưởng Ty công An Thuận Hải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Họy tha Nguyễn Kiêm Bí danh

Sinh năm : 10 tháng 05 năm 1944

Đời sinh : Chau Van - Thuy Thuy - Binh tri Thien

Quốc quán :

Trú quán : Tả 8 - Khu 24 - Dao Long - Phan Rang - N-Hải

Mềnh nghiệp : Lâm nông

Quốc tịch : Vietnam Dân tộc : Khmer Tôn giáo : Phật giáo

Cán tội : Đại úy - Trưởng chi cảnh sát

Đã tập trung giáo dục cải tạo từ ngày 29 tháng 5 năm 1977

Điều 2: Được về cư trú tại thôn, tiểu khu 24 xã, phường,

thị trấn Dao Long Huyện, thị xã Phan Rang Tỉnh

Thành phố : Thị trấn khi về địa phương phải trình

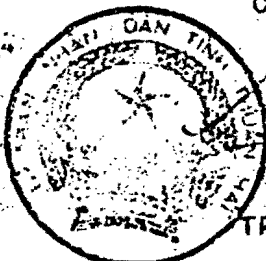
quyết định này với chính quyền địa phương nơi cư trú và phải

nghe theo chính chấp hành mọi quy định của địa phương và pháp
l luật của nhà nước.

Điều 3: Ông chánh văn phòng ủy Ban nhân Dân Tỉnh Thuận Hải, Ông trưởng
Ty công An Thuận Hải và Nguyễn Kiêm chịu trách nhiệm thi
hành quyết định này.

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI

Chủ tịch



TRẦN NGỌC TRÁC

THUẬN HẢI

1999

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUAN HẢI.

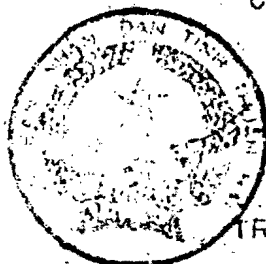
Căn cứ quyết định số: Ngày tháng năm 19
của Bộ Nội Vụ.

Q U Y Ế T Đ I N H

Quê quán : _____
Trú quán : Tổ 8 TK 24 - Đa Long - Phước Thành - Ninh Hải
Nghề nghiệp : Sân nông
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Khơ me tôn giáo : Phật giáo
Cán tội : Đại úy - Trưởng chi cảnh sát

Điều 3: Ông chánh văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thuận Hải, Ông Trưởng
Tư Công An Thuận Hải, Ông Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Huyện Thị Xã
Ninh Hải và Huyện Hải chịu trách nhiệm thi hành quyết định
này.

Chú Tich,



TRẦN NGỌC TRÁC

VIỆT-NAM, COMSO - B04

Thị Trấn - Thiên
QUẬN Phú-Lộc
Xã Lạc-Trị

Số 032



TRICH - LUC

Chứng - thư hôn - thú

Tên họ người chồng HUYNH - TIEM
Nghề nghiệp QUẢN - NHẬN
Sinh ngày Mười, tháng năm, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn; (10-05-1944)
Tại Xuân-Hòa, Thủy-Vân, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Cư sở tại Xuân-Hòa, Thủy-Vân, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Tên trẻ tại KEC. 4.699
Tên họ cha chồng HUYNH - DUẬN (sống)
(bằng chữ cha chồng) NGUYỄN-THỊ-LÊ (sống)
Tên họ mẹ chồng (bằng chữ mẹ chồng)
Tên họ người vợ TRẦN-THỊ-LIÊN
Nghề nghiệp NƠI-TRƯ
Sinh ngày Mười chín, tháng ba, năm một ngàn chín trăm năm mươi hai; (19-03-1952)
Tại Thái-Bình, Lạc-Trị, Phú-Lộc, Thừa-Thiên
Cư sở tại Cao-Đôi-Xã, Lạc-Trị, Phú-Lộc, Thừa-Thiên
Tên trẻ tại Cao-Đôi-Xã, Lạc-Trị, Phú-Lộc, Thừa-Thiên
Tên họ cha vợ TRẦN-VĂN-THỊ (sống)
(bằng chữ cha vợ) PHẠM-THỊ-Ư (sống)
Tên họ mẹ vợ (bằng chữ mẹ vợ)
Ngày cưới Một, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi (01-06-1970)
Vợ chồng khi có hay không lập hôn ước.
Ngày Một (01) tháng Sáu (06) năm Một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)

Thị trấn Hồ-Tiến-Lạc-Trị
Thị trấn Hồ-Tiến-Lạc-Trị
Thị trấn Hồ-Tiến-Lạc-Trị

PHUNG TRICH-LUC

Lạc-Trị ngày 24-07-70
Thị trấn Hồ-Tiến-Lạc-Trị

Trích y bản chính
Lạc-Trị ngày 01 tháng 06 năm 1970
Viện-chức Hộ-thộ,
Nguyễn-Thị-Bích-Nhuân (áp dấu) ký tên.

NGUYỄN-THỊ-BÍCH-NHUÂN

CỘNG HÒA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỐ TƯ-PRÁP

TÒA Hòa giải quận

Chứng-ohi Thê-vì Khai sinh

Hương-thủy

35

1624

Ngày 19.2.57

chủ

HUYNH-TIÊM

Chứng-ohi này được lập tại Năm mươi Bảy tháng Hai ngày Mười Chín hồi Chín giờ.

Trước mặt chúng tôi là Ông Tôn thất-Chữ Chánh-án Tò Hòa-giải Quận Hương-thủy ngồi tại Văn-Phòng có Ông Đồng-sĩ-Chương lục-sự giúp việc Có Ông bà Huỳnh-Duận 55 tuổi, nghề nghiệp

Thợ tiện trú tại Xuân-hòa, Hương-thủy, Thừa-Thiên thẻ kiểm tra số 000.180 ngày 16.9.1955 do Quận Hương-thủy cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục khai sinh của HUYNH-TIÊM sinh ngày 10 tháng 5 năm 1944 tại làng Xuân-Hòa

Quận Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên được Chiến tranh số bộ bị thất lạc nên yêu cầu Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê sau do y dẫn đến đã lập chứng-ohi thay thế chứng thư hộ tịch nơi trạm

LIÊN BỐ CỐ ĐẾN TRẠM ĐỀ

10) Lê Chối, 45 tuổi, nghề Làm thuê trú tại Cộng-lương, Hương-thủy, Thừa-Thiên thẻ kiểm tra số 000.076 ngày 12.9.55 do Hương-thủy cấp

20) Lê-văn-Quế, 56 tuổi, nghề Làm ruộng trú tại Cộng-lương, Hương-thủy, Thừa-Thiên thẻ kiểm tra số 000.080 ngày 12.9.55 do Hương-thủy cấp

30) Nguyễn Chanh, 33 tuổi, nghề Công-chức trú tại số 4 đường Phạm-hồng-Thái thẻ kiểm tra số 000.017 ngày 12.9.55 do Hương-thủy cấp

Hai nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 77 N.V. HÌNH-LUẬT phạt tội ngay chứng về việc họ, đồng cam đoan quyết biết chắc tên HUYNH-TIÊM

sinh ngày Mười (10) tháng Năm (5) năm Một ngàn Chín trăm Bốn mươi Tư (1944) tại làng Xuân-hòa Quận Hương-thủy tỉnh Thừa-Thiên con ông Huỳnh-Duận và bà Nguyễn thị Lê Hai ông bà này đã chánh thức lấy nhau

Kính thưa: Ông trên tại khai rằng hiện nay đang bị không có
tên sao lý giấy khai sinh nói trên được vì lý
chiến tranh số bị thất lạc

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu
điều 47-48 H.V. HỒ-LUẬT, lập chứng chỉ thể vì khai sinh này cho
tên Huỳnh-Tiêm sinh ngày Mười (10) tháng Năm (5) năm Một ngàn Chín trăm
Bốn mươi Tư (1944)

tại làng Xuân-hòa Quận Hương-thủy tỉnh Thừa-Thiên
con ông Huỳnh-Duận và bà Nguyễn thị Lê
để cấp cho đương sự theo như đơn xin

Và các người chứng sẽ ký tên với chúng tôi và ông lý sự
sau khi nghe đọc lại.

Lưu sự

Chánh-án

Đồng-sĩ-Chuông

Tên thất Chữ

Kính thưa: Ông trên tại khai rằng hiện nay đang bị không có

Người đang xin

(1) Lê Chối

Quận-Huân

Ông lý sự

Huỳnh-Duận

(2) Lê-văn-Que

(3) Nguyễn-Chanh

Quận-Huân

Tỉnh-bộ tại Huế

Ngày 23 tháng 2 năm 1957

Quyển 17, số 1-65, số 6.982

Phần 0: Miễn phí

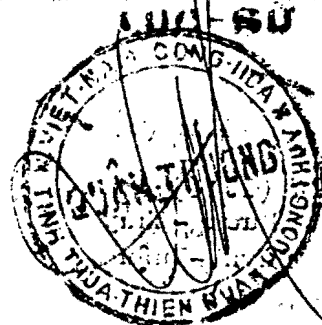
Chánh-án

SAD V C T N B A N

Ký tên Phan Văn Dật và dấu

LI THAM PHAN TOA HUA GIAI TACH HUONG THAI

710.000



CHÍNH BÀI GIỚI P

CHÍNH BÀI GIỚI P

CHÍNH BÀI GIỚI P

CHÍNH BÀI GIỚI P

PHẦN B C T N

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu HT₂ - P₃

CV số 815 KH 1

Ngày 30-7-1973

Xã Chuyên Văn

Huyện Huế

Tỉnh, Thành phố Bình Trị Thiên

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyền số



--	--	--	--	--

tên	<u>Huỳnh Công Tuấn</u>	
đang năm	<u>Ngày hai tháng sáu năm một nghìn chín trăm bảy mươi một. (02-06-1971)</u>	
Nơi sinh	<u>Phường Tam giác, khu phố Thái gần, Quận hai Đà Nẵng.</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>Huỳnh Tiêm 33 tuổi</u>	<u>Trần Thị Liên 25 tuổi</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh Việt Nam</u>	<u>Kinh Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Lao động chân tay Đà Lạt</u>	<u>Lao động chân tay Đà Lạt</u>
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai	<u>Huỳnh Diên ; 66 tuổi Thôn Xuân Hòa, Thủy Văn, Huyện Phú B.T.</u>	

Người đứng khai

(Ghi rõ họ tên)

Huỳnh Diên

Đăng ký ngày 29 tháng 8 năm 1977

TM/UBND Xã Chuyên Văn

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên chức vụ)

Nguyễn Văn
Nguyễn Văn

B.T.T-41-320 00011-76 - HM

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Phạm Rang
Thị xã, Huyện Ninh Hải
Thành phố, Tỉnh Thượng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3
Số: 1021
Q. Số: 04

Bản sao GIẤY KHAI SINH



	HUYNH - CÔNG - ĐĂNG	Nam, Nữ <u>Nam</u>
năm sinh	(06-09-1973) ngày sáu tháng chín năm mười chín trăm bảy mươi ba.	
Nơi sinh	Tam-giác, thạc giám, Đà Nẵng	
Khai về Cha Mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Huỳnh - Tiêm 1944	Trần Thị Liên 1952
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt - Nam	Việt - Nam
Nghề nghiệp	Làm nông	Công - nhân
Nơi ĐKINH thường trú	Khu Đạo long C thị trấn Phạm-Rang	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKINH thường trú, số Giấy Chứng minh hoặc CNCC của người được khai.	Huỳnh - Tiêm sinh năm 1944 cư ngụ tại Khu Đạo long C thị trấn Phạm-Rang	

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 8 năm 19 81

TM. ỦY BAN

ký tên, đóng dấu

Đã ký ngày tháng năm 19.....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ tên, chức vụ)

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN

Phường, Xã Đông Long

Huyện, Thị xã Phan Rang

TỈNH THUẬN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

Số 74

Quyển số 07



tên	<u>HUỠNH THỊ Y - NHÌ</u>	
ngày năm	<u>Mười hai tháng năm, năm một nghìn chín trăm tám mươi hai</u>	
Nơi sinh	<u>Tổ 4 - Khu phố 8, Phường Đông Long Thị xã Phan Rang</u>	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>HUỠNH TIỆM</u> <u>10 - 5 - 1944</u>	<u>TRẦN THỊ LIÊN</u> <u>19 - 2 - 1952</u>
Dân tộc	<u>Hinh</u>	<u>Hinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Công nhân</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đông Long, Phan Rang</u>	<u>Đông Long, Phan Rang</u>
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>HUỠNH TIỆM 38 tuổi, tổ 4 - Khu phố 8, Phường Đông Long Phan Rang</u>	

ngày 15 tháng 5 năm 84

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

VIỆN THƯ KÝ



Trần Văn...

C O N T R O L

_____ Card
_____ ☒ Doc. Request; Form 12/10/89
_____ Release Order
_____ Computer .
_____ Form "D"
_____ CDP/Date _____
_____ Membership; Letter